

Số: 2228/QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24 tháng 3 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông Vận tải về Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 07/VBHN-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2024 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1016/QĐ-ĐHGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc Ban hành 10 chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ quyết định số 1966/QĐ-ĐHGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải theo thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ nghị quyết số 82/NQ-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông vận tải về việc chủ trương mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý kinh tế, mã số 9310110;

Căn cứ Thông báo số 605/TB-ĐHGTVT về kết luận của Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường ngày 11 tháng 08 năm 2025.

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã số 9310110 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo; Khoa Vận tải Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BGH;
- Website (để công bố);
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIỀN SĨ

Ngành: Quản lý kinh tế, Mã số: 9310110

(Ban hành kèm theo quyết định số: 2228 /QĐ-ĐHGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2025)

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ Quản lý kinh tế của Trường Đại học Giao thông vận tải được thiết kế để trang bị cho người học những kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của ngành quản lý kinh tế; Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo độc đáo; Có khả năng nghiên cứu ở trình độ cao các lĩnh vực thuộc kinh tế ứng dụng; Có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn mang tính chuyên gia; Có khả năng tham gia đào tạo bậc đại học và sau đại học; Có kỹ năng thiết lập và duy trì các mạng lưới hợp tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn chính sách ở cấp quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Ký hiệu	Nội dung chi tiết
MT1	Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế, khoa học quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô; Tiếp thu vấn đề khoa học một cách hệ thống nhằm giải quyết tổng thể các vấn đề lý thuyết và thực tế trong lĩnh vực kinh tế
MT2	Có kỹ năng hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách, phản biện chính sách trong lĩnh vực quản lý kinh tế; Có kỹ năng thiết lập và duy trì các mạng lưới hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong và ngoài nước.
MT3	Có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề phức tạp, đề xuất những giải pháp sáng tạo, sáng kiến có giá trị, có ý nghĩa trong cả mặt khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quản lý kinh tế; có kỹ năng tư duy khoa học vào quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định quản lý tại các tổ chức cũng như đào tạo sau đại học
MT4	Có ý thức trách nhiệm cao về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường trong cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Giao thông vận tải, phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu.

Nhóm	Mã	Chuẩn đầu ra	Ghi chú
Nhóm kiến thức	CĐR 1.1.	Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật, phát triển các nguyên lý, học thuyết liên quan đến quản lý kinh tế và có khả năng áp dụng các kiến thức về quản lý kinh tế trong triển khai, tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách kinh tế của nhà nước.	
	CĐR 1.2.	Phân tích dự báo xu hướng phát triển mới của khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	
	CĐR 1.3.	Nắm được các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trong quản lý, lãnh đạo, xây dựng và thẩm định chiến lược, kế hoạch phát triển các tổ chức kinh tế - xã hội vào hoạt động triển khai, đánh giá hoạt động quản lý kinh tế các cấp.	
	CĐR 1.4.	Có thể tổng hợp, phân tích, luận giải các chính sách và các hoạt động quản lý kinh tế trên cơ sở những kiến thức nền tảng và nâng cao về lĩnh vực kinh tế và các vấn đề về toàn cầu hóa.	
Nhóm kỹ năng	CĐR 2.1.	Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề. Có kỹ năng xử lý tốt các tình huống đặt ra của quản lý trong bối cảnh hội nhập và	

Nhóm	Mã	Chuẩn đầu ra	Ghi chú
		cạnh tranh toàn cầu ngày càng phức tạp.	
	CDR2.2.	Có năng lực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phân biệt chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.	
	CDR 2.3.	Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	
	CDR 2.4.	Kỹ năng thu thập, xử lý dữ liệu để giải quyết vấn đề liên quan đến quản lý kinh tế một cách hiệu quả.	
	CDR2.5.	Có kỹ năng tự nghiên cứu, tư vấn, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi trong môi trường chính trị- kinh tế- xã hội- công nghệ.	
	CDR2.6.	Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức công và tư trong quản lý kinh tế; Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, phần mềm phục vụ nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	
	CDR2.7.	Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn. Có kỹ năng lãnh đạo một nhóm chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	
Nhóm năng lực tự chủ và tự trách nhiệm	CDR3.1.	Tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học; thể hiện tính trung thực trong thu thập, xử lý và công bố dữ liệu nghiên cứu; đánh giá và đảm bảo bảo mật thông tin theo đúng quy định; có khả năng nhận diện và giải quyết các xung đột lợi ích vì lợi ích chung của quốc gia, cộng đồng.	
	CDR3.2.	Có năng lực vận dụng thành thạo khối kiến thức lý thuyết chuyên sâu, tiến tiến; Có năng lực tự nghiên cứu và tạo ra ý tưởng, kiến thức mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	
	CDR3.3.	Có năng lực tự thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc thay đổi; chủ động xác lập mục tiêu học tập và nghề nghiệp; có năng lực lãnh đạo để định hướng, tổ chức và thúc đẩy hoạt động nhóm hoặc tổ chức đạt được mục tiêu chung.	
	CDR3.4.	Có năng lực tự phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia; có trách nhiệm cao với công việc.	
	CDR3.5.	Có năng lực tự chủ và tự quản lý quản lý nghiên cứu, có trách nhiệm cao để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng, giải pháp trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	

3. Khung chương trình đào tạo

ST T	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)				Ghi chú
			Tổng số TC	Cấu trúc học phần	LT	TH/TL/B TL	
I		Học phần bổ sung, chuyển đổi	4				Học phần bổ sung chuyển đổi dành cho NCS có bằng Thạc sĩ ngành gần. Đối với
	MR.TE9.019.2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	2(24;12;0)	24	12	

ST T	Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)				Ghi chú
			Tổng số TC	Cấu trúc học phần	LT	TH/TL/B TL	
	MR.TE9.013.2	Quản lý đầu tư phát triển	2	2(24;12; 0)	24	12	NCS chưa có bằng thạc sĩ và đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ là 4 năm: NCS phải hoàn thành những học phần cốt lõi CTĐT trình độ thạc sĩ thuộc ngành/ chuyên ngành tương ứng trừ các học phần ngoại ngữ, thực tập và luận văn. Trong trường hợp cần thiết nếu CTĐT còn thiếu những môn học có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, NCS có thể được yêu cầu học bổ sung một số học phần thuộc CTĐT trình độ đại học.
		Năm 1					
II		Các học phần trình độ Tiến sĩ	6				
		Bắt buộc	2		2	2	
1	D.TE9.001.2	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý kinh tế	2	2(24;12; 0)	24	12	
		Các học phần tự chọn	Chọn 2 học phần trong số các học phần				
2	D.TE9.002.2	Các học thuyết kinh tế, quản lý đương đại	2	2(24;12; 0)	24	12	
3	D.TE9.003.2	Quản lý đổi mới và công nghệ	2	2(24;12; 0)	24	12	
4	D.TE9.004.2	Quản lý tri thức	2	2(24;12; 0)	24	12	
5	D.TE9.005.2	Phát triển kinh tế bền vững	2	2(24;12; 0)	24	12	
6	D.TE9.006.2	Năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa	2	2(24;12; 0)	24	12	
Năm 2							
III Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ							
1	D.TE9.007.2	Tiểu luận tổng quan	2				
2	D.TE9.008.2	Chuyên đề Tiến sĩ số 1	2				
3	D.TE9.009.2	Chuyên đề Tiến sĩ số 2	2				
Năm 3							
4	D.TE9.010.90	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	90				
Tổng cộng (III)			96				
Tổng cộng (II+III)			102				

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG TIỂU BAN XÂY DỰNG CTĐT

PGS.TS. Nguyễn Hồng Thái

PGS.TS. Nguyễn Đăng Quang

PHÒNG ĐÀO TẠO SĐH
TRƯỞNG PHÒNG

PGS.TS. Lê Hải Hà